

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST  
Ngày: 26/01/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Hòa

Ông Dương Xuân Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM PHƯƠNG N**, sinh ngày 16/10/200x; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị S; Có 01 con sinh ngày 08/3/2019; Tiền án: 02 tiền án: Ngày 29/01/2019, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án số 123/2019/HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 tháng tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/8/2018, Công an huyện Đông Anh xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị Hoàng Thị Ngọc M, sinh năm 199x

Trú tại: Thôn L, xã Xuân C, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Bùi Thị H, sinh năm 199

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Nơi ở: Thôn S, xã V, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Lưu Thị Ngọc H, sinh năm 199x

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh H; Nơi ở: Khu 6, xã L, huyện M, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 198x

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh V; Nơi ở: Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trịnh Đình S, sinh năm 198x

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hanh C, xã Y, huyện Y, tỉnh T; Nơi ở: Đội 7, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Cao Xuân H, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Công ty TNHH M

Trụ sở: P-1x, Khu công nghiệp T, xã K, huyện Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N – Tổng giám đốc – Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/5/2020, bị cáo Phạm Phương N vào làm công nhân tại Công ty TNHH M thuộc Khu Công nghiệp Thăng Long. Quá trình làm việc, N để ý thấy các công nhân nữ khi đến làm việc thay đồ rồi để tài sản trong tủ đồ cá nhân, các tủ cá nhân được khóa bằng khóa loại nhỏ, dễ cắt phá nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu sài.

Ngày 30/10/2020, ca làm việc của bị cáo N bắt đầu từ 22 giờ 00 phút ngày 30/10/2020 đến 06 giờ 00 phút ngày 31/10/2020. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 30/10/2020, N đến chợ thôn Sáp Mai, xã Vĩng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mua 02 lưỡi cưa kim loại của người bán hàng rong (không xác định được lai lịch) dùng làm công cụ phạm tội. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, N cất giấu 02 lưỡi cưa kim loại vào túi nilon rồi đem đến Công ty làm việc. Đến nơi, N cất giấu 02 lưỡi cưa vào tủ đồ cá nhân rồi làm việc bình thường. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 31/10/2020, được nghỉ giải lao, N quay lại phòng thay đồ của công nhân nữ, lấy 02 lưỡi cưa ra cưa đứt khuy khóa tủ mã U72 của chị Hoàng Thị Ngọc M, sinh năm: 1994 (Trú tại: Thôn L, xã Xuân C, huyện Đ, thành phố H) trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, vỏ màu hồng, lắp ốp điện thoại màu trắng trong và 50.000 đồng trong ốp điện thoại; Cưa khuy khóa tủ mã M23 của chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1981 (Trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, thành phố H)

trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi, lắp ốp cao su màu đen và 400.000 đồng trong túi xách của chị V; Cửa khuy khóa tủ mã R79 của chị Bùi Thị H, sinh năm: 1998 (Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh H) trộm cắp 01 điện thoại di động SamSung J6+, vỏ màu đen, lắp ốp cao su màu đen và 120.000 đồng bên trong ốp điện thoại; Cửa khuy khóa tủ mã S36 của chị Lưu Thị Ngọc H, sinh năm: 1994 (Trú tại: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh H) trộm cắp 500.000 đồng bên trong túi xách của chị Hà; Cửa khuy khóa tủ của chị Hoàng Thị Thu D, sinh năm: 199x (Trú tại: Xã L, huyện L, tỉnh Yên B) nhưng không lấy được tài sản gì.

Sau mỗi lần phá khóa tủ trộm cắp tài sản, bị cáo N đều đem tài sản trộm cắp được cất giấu luôn vào tủ cá nhân của mình. Trộm cắp tài sản xong, N vứt bỏ 03 ổ khóa, 02 lưỡi cưa vào thùng rác tại phòng thay đồ của công nhân nữ và vứt bỏ 02 ổ khóa vào thùng rác tại nhà vệ sinh nữ rồi quay lại làm việc bình thường. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, N quay lại phòng thay đồ, tắt nguồn toàn bộ điện thoại trộm cắp được để tránh bị phát hiện. Khoảng 05 giờ 45 phút cùng ngày, N quay lại phòng thay đồ, cất toàn bộ tài sản trộm cắp được vào túi xách cá nhân rồi về trước giờ quy định 15 phút. Về đến phòng trọ, N kiểm tra thấy cả 03 điện thoại trên đều cài khóa màn hình nên tháo sim lắp trong điện thoại Iphone 8 Plus và trong điện thoại SamSung J6+ cất vào túi áo khoác phía trước bên trái.

Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo N đem 03 điện thoại trộm cắp được đi xung quanh địa bàn xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tìm chỗ bán. Trên đường đi, N vứt bỏ 02 sim điện thoại trên ở dọc đường (không xác định được vị trí). Trước khi đem bán điện thoại, N tháo bỏ toàn bộ ốp của 03 điện thoại trên cất giấu vào trong người. N vào quán mua bán điện thoại “Minh Hoàng Mobile” tại Đội 7, thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987 (Trú tại: Phú Lập Ngoài, xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) làm chủ đặt vấn đề phá khóa điện thoại SamSung J6+, vỏ màu đen. Anh H đồng ý và hẹn 09 giờ 00 phút cùng ngày sẽ sửa xong. N đồng ý, để lại điện thoại rồi bỏ đi. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, N đến quán mua bán điện thoại “Tuấn Phong” tại Đội 7, thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội do anh Trịnh Đình S, sinh năm: 1987 (Trú tại: Hanh Cát 1, xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) làm chủ đặt vấn đề phá khóa điện thoại Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi. Anh S cho biết giá phá khóa điện thoại trên rất cao, việc phá khóa rất khó khăn nên N đặt vấn đề bán lại điện thoại trên cho anh S. Anh S trả giá 500.000 đồng do điện thoại không còn sử dụng được nữa chỉ có thể thu mua rồi tháo lấy linh kiện, N đồng ý. Việc mua bán không lập giấy tờ, không có người chứng kiến. Sau khi mua điện thoại, anh S tháo sim bên trong điện thoại giao cho N. N cất vào túi áo khoác phía trước bên trái rồi tiếp tục đi bán điện thoại. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, N đến quán mua bán điện thoại “Xuân H Mobile” tại thôn Hậu Dường, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội do anh Cao Xuân H, sinh năm 1985 (Trú tại: Thôn Hậu Dường, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) làm chủ đặt vấn đề phá khóa

điện thoại Iphone 8 Plus, vỏ màu hồng. Anh S ra giá phá khóa là 1.500.000 đồng và cho biết tỷ lệ phá khóa thành công chỉ là 50% nên N đặt vấn đề bán lại điện thoại trên. Anh H trả giá 4.000.000 đồng theo giá linh kiện. N đồng ý, việc mua bán không lập giấy tờ mua bán, không có người chứng kiến. Sau đó N quay lại quán điện thoại của anh H để lấy điện thoại SamSung J6+ nH chưa sửa xong. N đặt vấn đề bán lại điện thoại cho anh H thì anh H trả giá 800.000 đồng, N đồng ý. Sau khi bán 03 điện thoại, N quay về phòng trọ, trên đường về N vứt bỏ 03 ốp điện thoại và 01 sim điện thoại ở dọc đường (không xác định được vị trí). Toàn bộ số tiền trộm cắp được và tiền bán điện thoại có được N tiêu sài cá nhân hết

Cùng ngày, chị Hoàng Thị Ngọc M, chị Nguyễn Thị V, chị Bùi Thị H và chị Lưu Thị Ngọc H có đơn trình báo đến Đồn Công an Kim Chung, Công an huyện Đông Anh đề nghị làm rõ sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 458/HĐĐGTS ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh, kết luận

- Điện thoại SamSung J6+ của chị H bị chiếm đoạt trị giá 1.500.000 đồng, 01 sim lắp bên trong trị giá 50.000 đồng.

- Điện thoại Iphone 6S Plus của chị V bị chiếm đoạt trị giá 3.000.000 đồng, 01 sim trị giá 50.000 đồng, 01 ốp điện thoại trị giá 50.000 đồng.

- Điện thoại di động Iphone 8 Plus của chị Mai bị chiếm đoạt trị giá 8.000.000 đồng, 01 sim trị giá 50.000 đồng.

Đối với ốp điện thoại của Iphone 8 Plus và SamSung J6+ do được tặng kèm khi mua máy, xác định đã quá cũ không còn giá trị nên Cơ quan điều tra không định giá. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 13.770.000 đồng (bao gồm 1.070.000 đồng tiền mặt).

Ngày 04/11/2020, Cơ quan điều tra rà soát Camera xác định bị cáo Phạm Phương N nghi vấn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã triệu tập đến trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Phương N khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với người bán 02 lưỡi cưa, bị cáo N không biết lai lịch, không nhớ đặc điểm nhận dạng nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn H, anh Trịnh Đình S và anh Cao Xuân H khi mua điện thoại của bị cáo N nH không biết là tài sản do N trộm cắp mà có nên không phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vật chứng tạm giữ:

- Của anh Trịnh Đình S: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi, số Imei: 353334079203481.

- Của anh Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động SamSung J6+, vỏ màu đen, số Imei: 354402104019492.

- Của anh Cao Xuân H: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, vỏ màu hồng, số Imei: 359401086521009.

- Của chị Nguyễn Hạnh Nguyên, sinh năm: 1979 (Trú tại: Số 97, phố Quan

H, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) là nhân viên Công ty TNHH M: 03 ổ khóa viết tiếp đã bị cắt đứt, 02 lưới cửa bằng kim loại sáng màu.

Kết quả xác minh nguồn gốc và xử lý vật chứng:

Đối với 03 sim điện thoại và 03 ốp điện thoại, bị cáo N khai vứt bỏ ở dọc đường, không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để truy tìm.

Đối với 01 ổ khóa bị cáo N khai vứt bỏ tại thùng rác phòng thay đồ và 01 ổ khóa vứt bỏ tại thùng rác nhà vệ sinh nữ, quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nh không phát hiện, thu giữ được vật chứng của vụ án.

Điện thoại di động Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi, số Imei: 353334079203481 (tạm giữ của anh S) là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị V; Điện thoại di động SamSung J6+, vỏ màu đen, số Imei: 354402104019492 (tạm giữ của anh H) là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị H; Điện thoại di động Iphone 8 Plus, vỏ màu hồng, số Imei: 359401086521009 (tạm giữ của anh H) là tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị Ngọc M. Ngày 01/12/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị V, chị H, chị Mai những tài sản trên.

Đối với 03 ổ khóa, 02 lưới cửa (tạm giữ của chị Nguyễn) là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh phục vụ công tác xét xử.

*Về phần dân sự:*

Chị Hoàng Thị Ngọc M, chị Bùi Thị H không yêu cầu bị cáo N bồi thường về dân sự; Chị Nguyễn Thị V yêu cầu bị cáo N bồi thường 400.000 đồng; Chị Lưu Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo N bồi thường 500.000 đồng. Các bị hại đề nghị xử lý nghiêm bị cáo N theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Đình S không yêu cầu bị cáo N phải trả số tiền 500.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo N trả số tiền 800.000 đồng; Anh Cao Xuân H yêu cầu bị cáo N trả số tiền 4.000.000 đồng là tiền bị cáo N đã nhận khi bán điện thoại trộm cắp được.

Đối với 05 ổ khóa bị cắt phá là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH M. Do giá trị tài sản không đáng kể nên Công ty TNHH M không yêu cầu bị cáo N bồi thường về dân sự.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-ĐA ngày 07/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Phương N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Phương N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt. Những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định

việc truy tố bị cáo N về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Phương N mức án từ 36 đến 42 tháng tù và tổng hợp hình phạt với Bản án xử phạt bị cáo 12 tháng tù của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 48 đến 54 tháng tù. Hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đề nghị xử lý vật chứng, quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt và nuôi con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Phương N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Bản ảnh hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/10/2020, bị cáo Phạm Phương N đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác gồm: 03 điện thoại kèm 03 sim, 01 vỏ ốp điện thoại có trị giá là 12.700.000 đồng và 1.070.000 đồng tiền mặt. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.770.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phạm Phương Nghi đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2019/HS-ST ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo Phạm Phương N 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa đã chấp hành hình phạt nên chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố bị cáo Phạm Phương N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

Nội dung điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:*

...

*g. Tái phạm nguy hiểm.”*

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Phạm Phương N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm đã được xác định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo nên không được xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là phụ nữ đơn thân, hiện đang nuôi con nhỏ nên cho bị cáo được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có tiền án nên không được xác định là có nhân thân tốt.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; bị cáo có sự chuẩn bị công cụ phạm tội từ trước, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự NH do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội, do vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm nói chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, xét thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xét xử bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là công nhân, thu nhập thấp và hiện đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Chị Hoàng Thị Ngọc M, chị Bùi Thị H, anh Trịnh Đình S không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên không giải quyết. Chị Nguyễn Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường 400.000 đồng, chị Lưu Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng là số tiền bị cáo trộm cắp của người bị hại; anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng, anh Cao Xuân H yêu cầu

bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là tiền bị cáo N đã nhận khi bán điện thoại trộm cắp được là có căn cứ pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Đối với 05 ổ khóa bị cắt phá là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH M, do giá trị tài sản không đáng kể nên Công ty TNHH M không yêu bị cáo N cầu bồi thường dân sự nên không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 ổ khóa Việt Tiệp đã bị cắt đứt và 02 lưới cửa bằng kim loại sáng màu không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Phạm Phương N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

*Xử phạt:* Bị cáo Phạm Phương N 33 (ba mươi ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) tháng tù của Bản án số 123/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo Phạm Phương N chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ vào: Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tịch thu tiêu hủy 03 ổ khóa Việt Tiệp đã bị cắt đứt và 02 lưới cửa bằng kim loại sáng màu có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/01/2021 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

- Căn cứ vào: Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Phạm Phương N phải bồi thường cho: Chị Nguyễn Thị V 400.000 đồng; Chị Lưu Thị Ngọc H 500.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H 800.000 đồng và anh Cao Xuân H 4.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Phạm Phương N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Thi hành án hình sự;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Cao Anh Tuấn  
(Đã ký)**